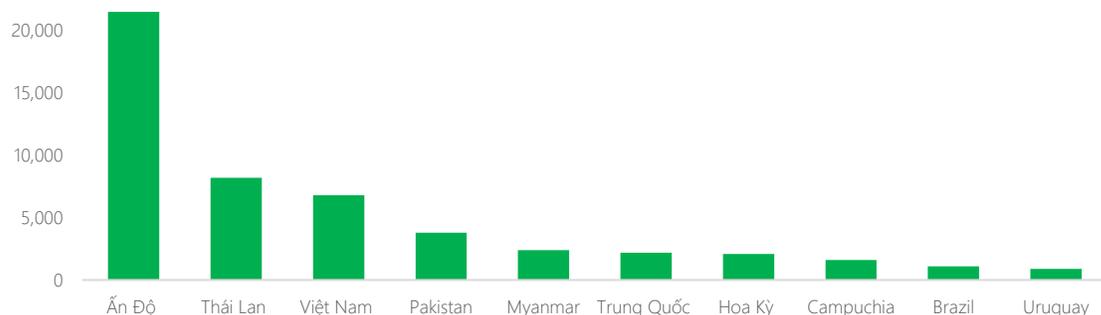


## Điểm nhấn



Top các quốc gia xuất khẩu gạo trên thế giới (Nguồn: Statista)

- Khí tự nhiên (+6,2% DoD):** Hợp đồng tương lai khí tự nhiên tăng 6,2%, mạnh nhất trong 1 tháng qua khi đợt nóng mới tại nước Mỹ làm gia tăng sản lượng điện tiêu thụ cho nhu cầu điều hòa không khí. Ngoài ra, báo cáo mới nhất từ EIA cho thấy dự trữ khí chỉ tăng thêm 41 bcf trong tuần qua, thấp hơn dự đoán là 48 bcf.
- Đường (+1,8% DoD):** Giá đường tiếp nối đà tăng khi nguồn cung tại Brazil nửa cuối tháng 6 chỉ tăng thêm 2,7 triệu tấn, ít hơn so với kỳ vọng của thị trường là 2,88 triệu tấn. Việc Nga và Arabia Saudi cắt giảm sản lượng trong tháng 8 cũng làm giá dầu phục hồi, gián tiếp làm cho giá đường tăng
- Gạo (+1,5% DoD):** Giá gạo tăng 1,5% sau ngày 20/7 và có xu hướng tăng mạnh mẽ trường thông tin Ấn Độ sẽ cấm xuất khẩu gạo. Theo Tổng cục Ngoại thương Ấn Độ, chính sách xuất khẩu liên quan đến gạo trắng không phải gạo basmati dù ở hình thức nào (gạo xay xát một phần hoặc toàn bộ, đã hoặc chưa đánh bóng hoặc trắng men) đều được chuyển từ "tự do" thành "cấm". Chính sách này có hiệu lực ngay lập tức.

## Ngành chú ý &amp; đánh giá của Wetrade

Hàng hóa	Trend hàng hóa	Ngành đáng chú ý	Xu hướng giá cổ phiếu của ngành	Cổ phiếu đáng chú ý	Wetrade Ratings
Khí tự nhiên	Hồi phục	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	Giảm mạnh	GAS	D
				SLS	D
Đường	Suy yếu	Thực phẩm & Đồ uống	Giảm mạnh	SBT	B
				QNS	A
Gạo	Suy yếu	Thực phẩm & Đồ uống	Giảm mạnh	PAN	C
				LTG	B
				TAR	B

Truy cập [wetrade.dsc.com.vn](http://wetrade.dsc.com.vn) để theo dõi hệ thống xếp hạng cổ phiếu

## Chỉ số vĩ mô &amp; thị trường chứng khoán &amp; thị trường hàng hóa

CHỈ SỐ VĨ MÔ													
Chỉ số	Giá trị	% D	XH trung hạn	% 3M	% 6M	Giá 6M	Chỉ số	Giá trị	% D	XH trung hạn	% 3M	% 6M	Giá 6M
S&P 500	4,535	-0,7%	Tăng mạnh	10,6%	14,2%		BCOM index	106.04	0,5%	Hồi phục	-0,3%	-5,4%	
US 10Y	3.85	2,7%	Suy yếu	8,7%	10,5%		Baltic Dry Index	977	-2,7%	Suy yếu	-31,8%	28,0%	
VNIndex	1,172	-0,1%	Tăng mạnh	11,7%	5,8%		Baltic Dirty Index	962	0,0%	Suy yếu	-16,1%	-32,0%	
Dollar Index	100.78	0,5%	Giảm mạnh	-1,0%	-1,2%								

GIÁ HÀNG HÓA													
NĂNG LƯỢNG						NÔNG NGHIỆP							
Chỉ số	Giá trị	% D	XH trung hạn	% 3M	% 6M	Giá 6M	Chỉ số	Giá trị	% D	XH trung hạn	% 3M	% 6M	Giá 6M
Dầu Brent	79.64	0,2%	Hồi phục	-1,8%	-9,0%		Bông	85.93	0,4%	Suy yếu	6,5%	-1,3%	
Dầu WTI	75.65	0,5%	Hồi phục	-2,2%	-7,6%		Heo hơi	61.30	-0,2%	Hồi phục	16,3%	17,2%	
Khí tự nhiên	2.76	6,2%	Hồi phục	22,6%	-8,9%		Ngô	537.25	-1,5%	Giảm mạnh	-19,1%	-20,6%	
Than	132.00	0,8%	Suy yếu	-31,2%	-62,4%		Đường	24.67	1,9%	Suy yếu	-2,3%	25,1%	
							Gạo	15.89	1,5%	Suy yếu	-5,3%	-12,3%	
							Cao Su	128.50	0,1%	Suy yếu	-7,2%	-9,6%	

KIM LOẠI													
Chỉ số	Giá trị	% D	XH trung hạn	% 3M	% 6M	Giá 6M	Chỉ số	Giá trị	% D	XH trung hạn	% 3M	% 6M	Giá 6M
Quặng Sắt	117.00	0,4%	Hồi phục	-2,5%	-6,0%		Urea	415.00	0,0%	Hồi phục	21,2%	-13,5%	
Thép	3,718	0,8%	Suy yếu	-4,8%	-9,9%		Nhôm	2,196	0,2%	Hồi phục	-9,5%	-15,9%	
Thép HRC	548.00	0,0%	Hồi phục	-11,3%	-12,3%								
Vàng	1,970	-0,4%	Suy yếu	-1,7%	2,3%								



## Lựa chọn hàng đầu



Biểu đồ giá của GAS (theo ngày)

**Cổ phiếu** Tổng Công ty khí Việt Nam – Hose

**Động lượng** D – Điểm xu hướng “kém”, cổ phiếu GAS vẫn chưa vượt qua đường kháng cự động dài hạn ma200.

**Xu hướng kỹ thuật** Sau khi tạo nền giá đáy quanh giá 92-95, cổ phiếu GAS xác nhận mở xu hướng tăng mới với mẫu nến pocket (ngày 13/07). Diễn biến tích lũy phía sau ghi nhận thanh khoản bán giảm dần, đây là trạng thái tích lũy lành mạnh cho xu hướng tăng tiếp diễn.

Tín hiệu kỹ thuật ngắn hạn: Chỉ báo RSI và MACD ở trạng thái tích lũy trung lập. Chỉ báo trung bình động ma10>ma20>ma50, hỗ trợ cho động lượng tăng trung hạn.

- Điểm mua ưu tiên tại vùng giá 98.5
- Điểm quản trị rủi ro: giá 96.5
- Mục tiêu ngắn hạn: 105; Upside ~7%

**Khuyến nghị**

**MUA**

**Chiến lược mua:** NĐT tham gia mua thăm dò quanh giá 98.5 (fibonacci 38.2%). Điểm quản trị rủi ro khi cổ phiếu vi phạm điểm mở xu hướng tại giá 96.5.

**Thời gian giao dịch kỳ vọng** 3-4 tuần

Điểm DSC		
Tăng trưởng	Giá trị	Đà tăng
D	B	D
Hành động		
Điểm mua	98.5	
Mục tiêu	105	
Cắt lỗ	96.5	
Reward/Risk	3.25	
Chỉ báo	Đánh giá	
MA	Tích lũy	
RSI	Trung lập	
MACD	Trung lập	
Mục tiêu		
Hỗ trợ (1)	96.5	
Hỗ trợ (2)	95	
Kháng cự (1)	102.5	
Kháng cự (2)	106	

## Ảnh hưởng của hàng hóa tới các ngành

**Chú thích:** (\*) Ảnh hưởng nhẹ (\*\*) Ảnh hưởng trung bình (\*\*\*) Ảnh hưởng mạnh

Hàng hóa	Tác động tích cực	Tác động tiêu cực
<b>Dầu thô WTI</b> <b>Dầu thô Brent</b>	Dầu khí (***) Điện nước & xăng dầu khí đốt (chế biến và trung chuyển khí)(***) Thực phẩm và đồ uống (Đường mía)(*)	Hàng & Dịch vụ công nghiệp (*); Du lịch và giải trí (Hàng không), Hóa chất (Nhựa đường)(**); Ô tô và phụ tùng (*); Hàng cá nhân & Gia dụng (Dệt may) (*)
<b>Khí tự nhiên</b>	Điện nước & xăng dầu khí đốt (chế biến và trung chuyển khí)(***)	Điện nước & xăng dầu khí đốt (Điện khí) (***) Hóa chất (Phân bón) (**)
<b>Than</b>	Than và nhiên liệu tiêu hao (***)	Điện nước & xăng dầu khí đốt (Điện than) (***) Hóa chất (Phân bón) (**); Tài nguyên cơ bản (**)
<b>Vàng</b>	Hàng cá nhân & Gia dụng (**)	-
<b>Thép</b> <b>Thép HRC</b>	Tài nguyên cơ bản (***)	Xây dựng và vật liệu (**)
<b>Quặng sắt</b>	-	Tài nguyên cơ bản (Thép) (***)
<b>Cao su</b>	Hóa chất (***)	Ô tô và phụ tùng (***)
<b>Gạo</b>	Thực phẩm và đồ uống (lương thực) (**)	Thực phẩm và đồ uống (chăn nuôi) (**)
<b>Đường</b>	Thực phẩm và đồ uống (Đường mía) (***)	-
<b>Bông</b>	Hàng cá nhân & Gia dụng (ngành sợi) (***)	Hàng cá nhân & Gia dụng (Dệt may) (**)
<b>Lúa mì</b>	-	Thực phẩm và đồ uống (Chăn nuôi và Bia) (***)
<b>Heo hơi</b>	Thực phẩm và đồ uống (chăn nuôi) (***)	-
<b>Cá tra</b>	Thực phẩm và đồ uống (thủy sản) (***)	-
<b>Tôm</b>	Thực phẩm và đồ uống (thủy sản) (***)	-
<b>Urea</b>	Hóa chất (phân bón) (***)	Thực phẩm và đồ uống (lương thực) (*)
<b>Nhôm</b>	Hóa chất (phân bón) (**)	Xây dựng và vật liệu (*)
<b>Phot pho vàng</b>	Hóa chất (**)	Hóa chất (phân bón) (**)

**Tích cực:** Giá hàng hóa tăng sẽ mang lại tác động có lợi cho ngành

**Tiêu cực:** Giá hàng hóa tăng sẽ mang lại tác động bất lợi cho ngành